

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 51/2021/DS-ST

Ngày: 26/4/2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Thùy L**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Bà Phạm Thị T**

2. **Bà Đỗ Thị Lệ H**

Thư ký phiên toà: **Bà Võ An T**, cán bộ toà án nhân dân quận N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N: **Bà Lê Hoàng D**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận N, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 409/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2018, về vụ tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2021/QĐXXST-DS ngày 26/3/2021. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP B**

Địa chỉ: Trần Hưng Đạo, Phường C, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Liên hệ: Ngân hàng TMCP B – PGD Tân Phú Thạnh

Địa chỉ: Quốc lộ 1, TT.C, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp là Võ Minh L, sinh năm 1990 – Phó giám đốc PGD Tân Phú Thạnh. Có mặt

- Bị đơn: Ông **Lý Phương T**, sinh năm 1975

Địa chỉ: đường Quang Trung, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào các ngày 18/7/2017 và 26/12/2017, ông Lý Phương T có ký với Ngân hàng B (Chi nhánh Hậu Giang) hai Hợp đồng tín dụng số HĐTD801201702608 và HĐTD801201703778, tổng số tiền vay tạm tính đến ngày 24/9/2018 là 303.059.199 đồng. Cụ thể

Hợp đồng tín dụng số HĐTD801201702608 ký ngày 18/7/2017 có số tiền vay là 300.000.000 đồng; thời hạn hiệu lực hợp đồng là 60 tháng, từ 18/7/2017-18/7/2022; phương thức cho vay là từng lần, trả nợ hàng tháng. Lãi xuất vay theo hợp đồng, cụ thể là 10.6%/năm cố định từ ngày 19/7/2017-18/7/2018; lãi quá hạn bằng 150% lãi xuất cho vay; sau ngày 18/7/2018 thì áp dụng lãi xuất thả nổi theo xếp hạng của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh và định kỳ điều chỉnh 3 tháng 01 lần theo quy định của bên cho vay.

Hợp đồng tín dụng số HĐTD801201703778 ký ngày 26/12/2017 có số tiền vay là 16.000.000 đồng; thời hạn hiệu lực hợp đồng là 11 tháng, từ 26/12/2017-26/11/2018; phương thức cho vay là từng lần; gốc trả cuối kỳ; lãi trả hàng tháng vào ngày 20; Lãi xuất vay theo hợp đồng, cụ thể 11%/ lãi quá hạn bằng 150% lãi xuất cho vay; áp dụng lãi xuất thả nổi theo xếp hạng của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh và định kỳ điều chỉnh 3 tháng 01 lần theo quy định của bên cho vay.

Cả hai hợp đồng đều không có tài sản đảm bảo. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề:

Cụ thể, Ngân hàng khởi kiện

- Buộc bị đơn thanh toán phần nợ còn thiếu, tính đến ngày 24/9/2018 là 303.059.199 đồng; trong đó nợ gốc 281.000.000 đồng; lãi trong hạn 20.961.833 đồng; lãi phạt lãi quá hạn 1.097.366 đồng cho Ngân hàng, và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến ngày trả nợ xong.

- Sau khi bản án có hiệu lực nếu bị đơn không trả nợ hoặc trả không hết nợ, ngân hàng có quyền yêu cầu thi hành án thực hiện các biện pháp cưỡng chế.

Tại phiên tòa,

Đại diện hợp pháp cho nguyên đơn thay đổi ý kiến, không yêu cầu Tòa án tuyên bố về việc cưỡng chế sau khi bản án có hiệu lực. Giữ nguyên các yêu cầu còn lại.

Theo bảng tự khai và bảng kê tính nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn gốc, ngày 26/4/2021 thì tổng hai hợp đồng, bị đơn còn thiếu nguyên đơn là 455.217.367 đồng.

Đối với bị đơn Lý Phương T: Đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham dự các buổi hòa giải và công khai chứng cứ theo thông báo của tòa án. Vào ngày 15/3/2021 bị đơn có đơn xin vắng mặt, nội dung đơn, ông yêu cầu tòa án giải quyết vắng mặt, ông đồng ý trả tiền vay theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu nguyên đơn giảm lãi nếu được.

Tại biên bản lấy lời khai cùng ngày 15/3/2021, bị đơn cũng trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền vay và lãi xuất vay tại các hợp đồng vay tài sản ghi tại đơn khởi kiện. Ông chỉ yêu cầu nguyên đơn xem xét giảm lãi xuất vay cho ông.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt.

Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Phiên tòa tiến hành với sự có mặt đầy đủ của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo đúng trình tự thủ tục quy định.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng; Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên áp dụng Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 90; Điều 91; Khoản 1, Khoản 2 Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số tiền gốc và lãi của hai hợp đồng vay là 439.775.312 đồng, và lãi phát sinh cho đến khi bị đơn trả xong nợ.

Không chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn thanh toán nợ lãi phạt lãi quá hạn của hai hợp đồng là 15.442.055 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp Hợp đồng dân sự - tín dụng với ông Lý Phương T, cư trú tại quận N, thành phố Cần Thơ. Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N.

Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ kiện và có đơn yêu cầu tòa án giải quyết vắng mặt. Tòa án căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Tòa án có tiến hành xác minh địa chỉ của bị đơn theo đơn khởi kiện, kết quả, bị đơn có đăng ký HKTT tại địa chỉ số 9/4A, đường Quang Trung, phường Xuân Khánh, quận N, thành phố Cần Thơ, nhưng không có mặt tại địa phương; quá trình giải quyết, nguyên đơn có cung cấp thông tin, bị đơn hiện đang đi chấp hành án nên không thể có mặt theo thông báo của Tòa án.

Ngày 15/3/2021 Tòa án tiến hành lập biên bản lấy lời khai của bị đơn, ghi nhận: Bị đơn thừa nhận có vay tiền tại Ngân hàng và thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền vay và lãi xuất vay tại các hợp đồng vay tài sản được ghi tại đơn khởi kiện. Ông chỉ yêu cầu nguyên đơn xem xét giảm lãi xuất vay cho ông (nếu được).

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại Tòa và lời thừa nhận

của bị đơn tại biên bản lấy khai ngày 15/3/2021; Xét thấy, có đủ cơ sở xác định bị đơn và nguyên đơn có giao kết các hợp đồng tín dụng đúng như trình bày của nguyên đơn. Thỏa thuận tại hợp đồng của các đương sự phù hợp với quy định tại điểm Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật. Tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên có đủ năng lực trách nhiệm dân sự và giao kết trên cơ sở tự nguyện nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc: Bị đơn không thanh toán tiền đúng theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc của 02 hợp đồng tín dụng là 281.000.000 đồng phù hợp, nên có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bị đơn trả tiền nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt lãi quá hạn phát sinh tạm tính đến ngày 26/4/2021 là 174.217.367 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với yêu cầu trả lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 26/4/2021 là 158.847.312 đồng, trong đó lãi trong hạn là 82.561.766 đồng; lãi quá hạn 76.285.546 đồng là phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng, phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Không chấp nhận yêu cầu thanh toán nợ lãi phạt lãi quá hạn bằng số tiền 15.442.055 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của đại diện nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn có ý kiến rút lại yêu cầu tòa án tuyên bố ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thực hiện các biện pháp cưỡng chế để thu hồi nợ vay, là sự tự nguyện của đại diện nguyên đơn, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí trên số tiền không được chấp nhận. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 90, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP B đối với bị đơn là ông Lý Phương T.

Buộc bị đơn Lý Phương T trả cho nguyên đơn tổng số tiền còn nợ của hai hợp đồng tính đến ngày 26/4/2021 là 439.775.312 (Bốn trăm ba mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm mười hai) đồng. Bao gồm:

- Tiền nợ gốc là 281.000.000 (hai trăm tám mươi một triệu) đồng;
- Tiền nợ lãi trong hạn là 82.561.766 (Tám mươi hai triệu năm trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm sáu mươi sáu) đồng;
- Nợ lãi quá hạn 76.213.546 (Bảy mươi sáu triệu hai trăm mười ba nghìn năm trăm bốn mươi sáu) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu thanh toán nợ lãi phạt lãi quá hạn là 15.442.055 (mười lăm triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm) đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Đình chỉ yêu cầu tòa án tuyên bố nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thực hiện các biện pháp cưỡng chế để thu hồi nợ vay.

3. Về án phí và các chi phí khác:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.591.012 (hai mươi một triệu, năm trăm chín mươi một nghìn không trăm mười hai) đồng.

Nguyên đơn phải chịu 772.103 (bảy trăm bảy mươi hai nghìn một trăm lẻ ba) đồng.

Nguyên đơn được nhận lại 7.576.500 (Bảy triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 001986 ngày 31/10/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ khi tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND quận N;
- Thi hành án quận N;
- TAND TP Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thùy L